

Bản án số: 10/2019/KDTM-PT
Ngày 12 tháng 7 năm 2019
“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản (tiền)”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* ông Trần Minh Bắc
- *Các thẩm phán:* ông Nguyễn Minh Châu
Bà Nguyễn Thị Phương Bắc

Thư ký Tòa án: bà Nguyễn Thị Nga – cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thành Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 22/2018/TLPT-KDTM ngày 25 tháng 12 năm 2018 về: “Tranh chấp Hợp đồng hợp tác đầu tư”, do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2018/KDTM-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V bị kháng nghị; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐ-PT ngày 21/02/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐ-PT ngày 19/3/2019, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/2019/QĐ-PT ngày 19/4/2019, các Thông báo V/v thay đổi thời gian xét xử phúc thẩm số 08/2019/TB-TA ngày 17/5/2019 và số 10/2019/TB-TA ngày 13/6/2019, quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 05/2019/QĐPT-KDTM ngày 10/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Huỳnh Quốc T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

Bị đơn: Công ty S

Địa chỉ: Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện theo pháp luật: bà Huỳnh Thị Ngân T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt)

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Huỳnh Quốc T trình bày:

Ngày 08/02/2017, ông và Công ty S (viết tắt là công ty S) ký kết 02 Hợp đồng hợp tác đầu tư:

1- Hợp đồng số 170/2017/HĐ.HTĐT/S2-KH và Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 01. Theo đó, ông T góp 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng); được chia lợi nhuận hàng tháng, mức thỏa thuận 27,6%/năm; thời hạn hợp đồng từ ngày 08/02/2017 đến ngày 31/12/2017;

2- Hợp đồng số 82/2017/HĐ.HTĐT/S3-KH và Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 01. Theo đó, ông T góp 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng); được chia lợi nhuận hàng tháng, mức thỏa thuận 24%/năm; thời hạn hợp đồng từ ngày 08/02/2017 đến ngày 31/12/2017.

Ông đã giao đủ tiền cho công ty S; nhưng công ty S chỉ thanh toán một phần lợi nhuận, đến tháng 4/2017 thì ngưng, nhiều lần khát nợ và hứa hẹn. Đến nay, thời hạn hợp đồng đã hết, nhưng bà T1, đại diện theo pháp luật của công ty S bỏ trốn, không hoàn trả lại vốn góp cho ông.

Vì công ty S vi phạm hợp đồng hợp tác đầu tư, nên ông căn cứ Điều 5 hợp đồng khởi kiện yêu cầu công ty S:

1.1. Hoàn trả cho ông 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng) vốn gốc.

1.2. Thanh toán cho ông 8 tháng lợi nhuận theo thỏa thuận đối với 2 Hợp đồng đã ký kết. Cụ thể: 368.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi tám triệu đồng) lợi nhuận theo Hợp đồng số 170/2017/HĐ.HTKD/S2-KH: $2.000.000.000 \text{ đồng} \times 2,3\%/\text{tháng} \times 8 \text{ tháng} = 368.000.000 \text{ đồng}$; và 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng) lợi nhuận theo Hợp đồng số 82/2017/HĐ.HTKD/S3-KH: $2.000.000.000 \text{ đồng} \times 2\%/\text{tháng} \times 8 \text{ tháng} = 320.000.000 \text{ đồng}$.

1.3. Trả lãi cho ông đối với các khoản tiền chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm 11/10/2018.

Ngoài ra, ông không có yêu cầu nào khác, cam kết không có đơn yêu cầu khởi tố đối với công ty S tại cơ quan Công an.

2. Bị đơn Công ty S:

Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết công khai hợp lệ.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2018/KDTM-ST ngày 11/10/2018, Tòa án nhân dân thành phố V đã quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Quốc T về “Tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư”; buộc công ty S hoàn trả cho ông T 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng) nợ gốc và 1.548.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm bốn mươi tám triệu đồng) lợi nhuận.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu, thỏa thuận, tự nguyện thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, lãi suất do chậm thi hành án theo luật định.

Ngày 09/11/2018, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có Quyết định số 680/QĐKNPT-VKS-KDTM kháng nghị bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2018/KDTM-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V, với lý do cấp sơ thẩm chưa làm rõ tư cách công ty

cổ phần tư vấn đầu tư SV, công ty cổ phần Đầu tư du lịch XT, mối quan hệ giữa các chủ thể này với bị đơn trong vụ án như thế nào để xem xét đưa vào tham gia tố tụng, đồng thời giải quyết vượt quá nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần lợi nhuận, việc tính lợi nhuận không đúng theo quy định của pháp luật; đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng nghị; đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, và những người tham gia tố tụng đã công khai thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Quyết định kháng nghị số 680/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 09/11/2018 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2018/KDTM-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V, chuyển hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đúng theo quy định pháp luật và trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục tố tụng:*

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Huỳnh Quốc T khởi kiện Công ty S (có trụ sở tại Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) tranh chấp liên quan hợp đồng hợp tác đầu tư. Tuy nhiên, ông T xác nhận: thực chất công ty S huy động vốn, vay tiền của ông và trả lãi dưới hình thức phân chia lợi nhuận; hợp đồng và thực hiện từ trước đó, khi hết thời hạn hợp đồng thì tiếp tục ký kết lại bằng hai bản hợp đồng hiện đang tranh chấp. Ông yêu cầu công ty S thanh toán gốc và các khoản lãi phát sinh trên

cơ sở hợp đồng thỏa thuận và các quy định của pháp luật, đồng ý xử lý các khoản lãi đã thanh toán theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hợp đồng giữa hai bên về bản chất là hợp đồng vay tài sản (tiền). Tranh chấp giữa ông T và công ty S là tranh chấp dân sự “Hợp đồng vay tài sản (tiền)”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại “Tranh chấp Hợp đồng hợp tác đầu tư” trên cơ sở tên gọi của hợp đồng đã giao kết là chưa chính xác vì chưa bám sát nội dung của quan hệ pháp luật tranh chấp. Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kháng nghị đối với bản án sơ thẩm số 12/2018/KDTM-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V. Căn cứ các Điều 38, 270, 278, 280, 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Cấp phúc thẩm xác định lại vụ án là tranh chấp dân sự, với quan hệ pháp luật là Hợp đồng vay tài sản (tiền).

[1.2]. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ những người tham gia tố tụng đến phiên tòa phúc thẩm, nhưng đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty S vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm mở lại lần thứ hai sau hoãn phiên tòa do vắng mặt đương sự trong vụ án, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiếp tục phiên tòa, xét xử vắng mặt đương sự này.

[2]. Về nguồn luật nội dung áp dụng giải quyết vụ án:

Căn cứ lời trình bày nguyên đơn và nội dung, quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng, bản chất của vụ việc và tranh chấp phát sinh, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là Hợp đồng vay tài sản, là tranh chấp dân sự. Thời điểm giao kết hợp đồng, quá trình thực hiện nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và tranh chấp phát sinh sau khi Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, ngày 01/01/2017. Vì vậy, tranh chấp phát sinh sẽ được áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự 2015 và các văn bản hướng dẫn liên quan để giải quyết về nội dung.

[3.] Về nội dung vụ án:

Ông Huỳnh Quốc T khởi kiện yêu cầu Công ty S thực hiện nghĩa vụ thanh toán vốn gốc, lợi nhuận trong Hợp đồng hợp tác đầu tư đã giao kết giữa hai bên, đồng thời bổ sung yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền nêu trên cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án, nên Tòa án sơ thẩm xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt bị đơn, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán toàn bộ vốn gốc, lợi nhuận và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kháng nghị yêu cầu cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm vì chưa điều tra đầy đủ, đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng, giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tính lãi chưa đúng.

[4]. *Xét nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:*

[3.1]. Về việc cấp sơ thẩm chưa làm rõ tư cách công ty cổ phần tư vấn đầu tư SV, công ty cổ phần Đầu tư du lịch XT, mối quan hệ giữa các chủ thể này với bị đơn trong vụ án để xem xét đưa vào tham gia tố tụng:

Các chứng từ có trong hồ sơ thể hiện về quá trình giao kết, thực hiện các hợp đồng hợp tác đầu tư giữa ông Huỳnh Quốc T và Công ty S:

1- Hợp đồng số 170/2017/HĐ.HTĐT/S2-KH và Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 01 ngày 08/02/2017, ông T góp 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng); được phân chia lợi nhuận hàng tháng, mức 27,6%/năm; thời hạn hợp đồng từ ngày 08/02/2017 đến 31/12/2017. (BL 05 - 07)

2- Hợp đồng số 82/2017/HĐ.HTĐT/S3-KH và Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 01 ngày 08/02/2017, ông T góp 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng); được phân chia lợi nhuận hàng tháng, mức 24%/năm; thời hạn hợp đồng từ ngày 08/02/2017 đến 31/12/2017. (BL 08 - 11)

3- Công ty S đã dùng 02 phiếu thu in logo “SV GROUP”, đóng dấu vuông “công ty CP Tư vấn Đầu tư SV” thu tiền của ông T:

+ Phiếu thu số PT-1/272/2016/HĐ.HTĐT/SV2-KH/2/2016 ngày 16/02/2016 thu 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) với nội dung: “Hợp tác đầu tư tài trợ vốn Công ty CP đầu tư du lịch XT”. (BL 43)

+ Phiếu thu số PT-1/95/2016/HĐ.HTĐT/SV3-KH/6/2016 ngày 01/6/2016 thu 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) với nội dung: “Hợp tác đầu tư SV3”. (BL 44)

4- Các phiếu chi thể hiện công ty S chi trả lợi nhuận cho ông T, in logo “SV GROUP”, đóng dấu vuông “công ty CP Tư vấn Đầu tư SV đã chi tiền”:

+ Phiếu chi số PC-2/95/2016/HĐ.HTĐT/SV3-KH/7/2016 ngày 06/7/2016 chi 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) với nội dung: “Chi LNSV3 tháng 07”. (BL 38)

+ Phiếu chi số PC-2/95/2016/HĐ.HTĐT/SV3.HS-KH/2/2017 ngày 03/02/2017 chi 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) với nội dung: “Chi LN S3”. (BL 39)

+ Phiếu chi số PC-2/170/2017/HĐ.HTĐT/S2-KH/2/2017 ngày 16/02/2017 chi 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng) với nội dung: “Chi LNS2”. (BL 40)

+ Phiếu chi số PC-2/82/2017/HĐ.HTĐT/S3-KH/4/2017 ngày 07/4/2017 chi 40.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng) với nội dung: “Chi LN”. (BL 41)

+ Phiếu chi số PC-2/170/2017/HĐ.HTĐT/S2-KH/4/2017 ngày 17/4/2017 chi 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng) với nội dung: “Chi LN”. (BL 42)

Như vậy, nội dung thu tiền góp vốn từ khách hàng và chi trả lợi nhuận cho khách hàng không có sự thống nhất, hoàn toàn phụ thuộc vào cách ghi và hạch toán vào các khoản của phía công ty S.

Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã có công văn số 14/2019/CV-TKT ngày 08/5/2019 yêu cầu Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cung cấp các thông tin liên quan đến các doanh nghiệp liên quan gồm: Công ty S, công ty cổ phần đầu tư SV, công ty cổ phần đầu tư du lịch XT và SV3. Theo công văn trả lời số 753/CV-ĐKKD ngày 16/5/2019 của Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Công ty S, công ty cổ phần đầu tư SV đều có trụ sở tại Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đều do bà Huỳnh Thị Ngân T1 (sinh ngày 15/10/1983, địa chỉ: Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh) là đại diện theo pháp luật (với chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty S, Tổng giám đốc công ty SV). Hiện hai công ty này đang bị khóa trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Danh sách hồ sơ lưu tại Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không có tên Công ty cổ phần đầu tư du lịch XT, SV3.

Như vậy, quá trình thực hiện Hợp đồng hợp tác đầu tư, thực chất là hợp đồng vay tài sản (tiền), công ty S của bà Huỳnh Thị Ngân T1 đã sử dụng con dấu vuông và biểu mẫu có in logo công ty SV cũng của bà T1 để thu tiền và chi trả lợi nhuận cho ông Huỳnh Quốc T. Việc cấp sơ thẩm không điều tra làm rõ thông tin liên quan các chứng từ thu chi nguyên đơn cung cấp để quyết định triệu tập các doanh nghiệp liên quan tham gia tố tụng là thiếu sót. Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh về vấn đề này là có căn cứ. Tuy nhiên, nội dung này đã được xác minh làm rõ tại cấp phúc thẩm. Kết quả xác minh cho thấy không có căn cứ và không cần thiết triệu tập thêm người tham gia tố tụng, mà không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan trong vụ án.

[3.2]. Về việc cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần lợi nhuận, tính lợi nhuận không đúng:

[3.2.1]. Giải quyết vượt quá nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông T và công ty S ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư, thời hạn hợp đồng từ ngày 08/02/2017 đến ngày 31/12/2017, thanh toán lợi nhuận, thực chất là trả lãi hàng tháng. Công ty S không thanh toán từ tháng 4/2017, không hoàn trả lại vốn gốc cho ông T khi đến hạn. Ông T khởi kiện yêu cầu công ty S thanh toán vốn góp và lợi nhuận theo hợp đồng đã giao kết, các khoản lãi phát sinh tính đến ngày khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của công ty S vắng mặt. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T yêu cầu tính lãi cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Yêu cầu này là phù hợp vì lãi phát sinh theo thời gian cùng với việc chậm thanh toán của bị đơn trong cùng quan hệ pháp luật nguyên đơn đã khởi kiện và Tòa án đã thụ lý, xem xét giải quyết trong vụ án. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tính lãi trên số tiền gốc đến ngày xét xử sơ thẩm là không vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không vi phạm quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự như kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[3.2.2]. Việc tính lợi nhuận không đúng quy định của pháp luật:

Hợp đồng đã giao kết giữa ông T và công ty S trên tinh thần tự nguyện, thực chất là hợp đồng vay tài sản (tiền), không vi phạm điều cấm pháp luật nên có hiệu lực thi hành và có giá trị bắt buộc đối với hai bên tham gia giao kết. Theo thỏa thuận tại các Điều 4, 5 hai bản Hợp đồng thì công ty S phải thanh toán lợi nhuận, thực chất là trả lãi cho ông T hàng tháng. Công ty S vi phạm hợp đồng khi ngừng thanh toán lãi hàng tháng, không thanh toán gốc và lãi cho ông T khi đến hạn. Ông T khởi kiện yêu cầu công ty S thanh toán 4.000.000.000 đồng vốn gốc, các khoản lãi theo thỏa thuận, lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong 2 hợp đồng là 24%/năm và 27%/năm, đều cao hơn mức tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên phần lãi suất thỏa thuận vượt quá 20%/năm trong các hợp đồng ký kết giữa ông T và công ty S không được chấp nhận. Thời hạn hợp đồng là 10 tháng 20 ngày (từ ngày 08/02/2017 đến ngày 31/12/2017), đã thanh toán 2 tháng lãi, và ông T chỉ yêu cầu tiếp tục trả lãi 8 tháng trong hạn, nên tính lãi trong hạn trên vốn gốc trong thời gian 10 tháng theo mức lãi suất 20%/năm. Tiền lãi đã thanh toán được trừ vào tiền lãi trong hạn phải trả.

Mức lãi suất 30%/năm được áp dụng tính lãi quá hạn đối với vốn gốc của cả hai Hợp đồng từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/10/2018 (theo điểm khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015). Mức lãi suất 10%/năm được áp dụng tính lãi quá hạn đối với khoản tiền lãi trong hạn chậm thanh toán theo thỏa thuận, theo yêu cầu của nguyên đơn kể từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/10/2018 (theo điểm a khoản 5 Điều 466). Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lợi nhuận thỏa thuận suốt từ khi chậm thanh toán đến thời điểm xét xử sơ thẩm là không chính xác, không có cơ sở pháp lý. Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng sai mức lãi suất khi giải quyết vụ án là có cơ sở.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định sửa án sơ thẩm về mức lãi suất áp dụng tính lãi trên vốn gốc và lãi chậm thanh toán, cụ thể như sau:

+ Hợp đồng số 170/2017/HĐ.HTĐT/S2-KH:

- Vốn gốc: 2.000.000.000 đồng

- Lãi trong hạn theo hợp đồng phải thanh toán, áp dụng mức lãi suất trần 20%/năm, từ ngày 08/02/2017 đến ngày 31/12/2017 là 10 tháng 20 ngày, nhưng theo yêu cầu của nguyên đơn chỉ tính trong 10 tháng:

$2.000.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 12 \text{ tháng} \times 10 \text{ tháng} = 333.333.333 \text{ đồng};$

- Lãi trong hạn đã thanh toán: $46.000.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} = 92.000.000 \text{ đồng};$

- Lãi trong hạn chưa thanh toán: $333.333.333 \text{ đồng} - 92.000.000 \text{ đồng} = 241.333.333 \text{ đồng};$

+ Hợp đồng số 82/2017/HĐ.HTĐT/S3-KH:

- Vốn gốc: 2.000.000.000 đồng

- Lãi trong hạn theo hợp đồng phải thanh toán, áp dụng mức lãi suất trần 20%/năm, từ ngày 08/02/2017 đến ngày 31/12/2017 là 10 tháng 20 ngày, nhưng theo yêu cầu của nguyên đơn chỉ tính trong 10 tháng:

$2.000.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 12 \text{ tháng} \times 10 \text{ tháng} = 333.333.333 \text{ đồng};$

- Lãi trong hạn đã thanh toán: $40.000.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} = 80.000.000 \text{ đồng};$

- Lãi trong hạn chưa thanh toán: $333.333.333 \text{ đồng} - 80.000.000 \text{ đồng} = 253.333.333 \text{ đồng};$

+ Tính đến ngày hết thời hạn hợp đồng 31/12/2017:

- Nợ gốc của 2 hợp đồng:

$2.000.000.000 \text{ đồng} + 2.000.000.000 \text{ đồng} = 4.000.000.000 \text{ đồng}$

- Nợ lãi của 2 hợp đồng:

$241.333.333 \text{ đồng} + 253.333.333 \text{ đồng} = 494.666.666 \text{ đồng}$

+ Lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/10/2018 (= 284 ngày):

- Lãi quá hạn trên vốn gốc, áp dụng mức lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn theo thỏa thuận được công nhận là 30%/năm:

$4.000.000.000 \text{ đồng} \times 30\% : 365 \text{ ngày} \times 284 \text{ ngày} = 933.698.630 \text{ đồng}$

- Lãi chậm thanh toán của khoản tiền lãi trong hạn, áp dụng mức lãi suất 10%/năm:

$494.666.666 \text{ đồng} \times 10\% : 365 \text{ ngày} \times 284 \text{ ngày} = 38.489.132 \text{ đồng}$

Tổng cộng lãi quá hạn:

$933.698.630 \text{ đồng} + 38.489.132 \text{ đồng} = 972.187.762 \text{ đồng};$

+ Tổng cộng các khoản công ty S phải thanh toán cho ông T:

$4.000.000.000 \text{ đồng} + 494.666.666 \text{ đồng} + 972.187.762 \text{ đồng} = 5.466.854.428 \text{ đồng}.$

[4]. *Về án phí sơ thẩm:* Công ty S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ phải thực hiện, cụ thể như sau:

$112.000.000 \text{ đồng} + [(5.466.854.428 \text{ đồng} - 4.000.000.000 \text{ đồng}) \times 0,1\%] = 113.466.854 \text{ đồng}.$

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; sửa một phần bản án sơ thẩm về quan hệ pháp luật tranh chấp và Điều luật áp dụng, mức lãi suất áp dụng tính lãi trên số tiền chậm thanh toán, điều chỉnh lại án phí sơ thẩm cho phù hợp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. *Về án phí phúc thẩm:* các đương sự không phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Sửa một phần quyết định bản án sơ thẩm số 12/2018/KDTM-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V về quan hệ pháp luật tranh chấp, Điều luật áp dụng, lãi suất áp dụng tính lãi và án phí sơ thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 296; các Điều 38, 270, 278, 280, 293, 147, 148, 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 117, 118, 119, 428, 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Quốc T đối với Công ty S về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)”, đã ký kết dưới tên gọi Hợp đồng hợp tác đầu tư.

Buộc Công ty S thanh toán cho ông Huỳnh Quốc T 5.466.854.428 đồng (Năm tỷ bốn trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng) gồm 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng) vốn gốc, 494.666.666 đồng (Bốn trăm chín mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) lãi trong hạn theo hợp đồng và 972.187.762 đồng (Chín trăm bảy mươi hai triệu một trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng) lãi quá hạn tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/10/2018.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty S nộp 113.466.854 đồng (Một trăm mười ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng).

Ông Huỳnh Quốc T được nhận lại 56.344.000 đồng (Năm mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu số 0002043 ngày 10/5/2018.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Các đương sự không phải nộp.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (12/7/2019).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Tòa án nhân dân thành phố V;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố V;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (3): NV, Tòa Kinh tế, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Bắc

